

những điều khoản ấn định ở trên. Thời hạn cuối cùng để xét những trường hợp đặc biệt này là ngày 30-10-1957.

Việc bồi thường cho công nhân viên mắc bệnh nghề nghiệp sẽ thi hành kể từ ngày ban hành các nghị định Liên bộ Lao động — Y tế nói ở điều 11 và 14.»

Điều 2. — Các ông Chủ tịch Ủy ban Hành chính các liên khu, Hà nội, Hải phòng, Hồng quang, Giám đốc Ban Thanh tra Bộ Lao động, Giám đốc Sở Lao động các liên khu, Giám đốc các Sở Lao động Hà nội, Hải phòng, Hồng quang, chiếu nghị định thi hành.

Ngày 24 tháng 7 năm 1957

K.T. Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

Thư trưởng

TÔ QUANG ĐÀU

Bộ trưởng Bộ Lao động,  
NGUYỄN VĂN TẠO

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Thư trưởng

TRỊNH VĂN BÌNH

Bộ trưởng Bộ Y tế  
B.S. HOÀNG TÍCH TRÍ

**THÔNG TƯ số 12-TT/LB ngày 24-7-1957** hướng dẫn thi hành nghị định Liên bộ số 111-NĐ/LB ngày 11-11-1955 và nghị định Liên bộ số 78-NĐ/LB ngày 24-7-1957 về phần bồi thường tai nạn lao động (Thông tư này thay thế cho phần thứ nhất của Thông tư Liên bộ số 13-TT/LB ngày 11-11-1955 về thể thức bồi thường tai nạn lao động).

Ngày 11-11-1955 Liên bộ Lao động—Nội vụ—Y tế và Tài chính đã ban hành nghị định số 111-NĐ/LB ấn định thể thức bồi thường tai nạn lao động và các bệnh nghề nghiệp. Cũng ngày 11-11-1955 Liên bộ nói trên lại đã ra thông tư số 13-TT/LB hướng dẫn việc thi hành nghị định số 111-NĐ/LB. Nội dung thông tư gồm 2 phần: phần trên nói về tai nạn lao động và phần dưới nói về các bệnh nghề nghiệp.

Phần về tai nạn lao động của thông tư số 13-TT/LB có mấy điểm chưa rõ ràng đầy đủ, mục đích nghĩa còn thiếu sót khiến nhiều ngành hoặc địa phương đã quan niệm không thống nhất về tai nạn lao động. Có nơi quan niệm chặt chẽ, hạn chế phạm vi được hưởng bồi thường, làm thiệt hại đến quyền lợi chính đáng của anh chị em công nhân viên. Có nơi lại áp dụng việc bồi thường cho cả những trường hợp không phải là tai nạn lao động, làm thiệt hại đến công quỹ Nhà nước.

Mặt khác, do thông tư số 13-TT/LB chưa được đầy đủ và cụ thể, có khi đối với các tai nạn lao động tương tự, mỗi địa phương đã giải quyết một cách khác nhau, dễ khiến anh chị em suy bị thắc mắc.

Ngày 24-7-1957 Liên bộ ban hành nghị định số 78-NĐ/LB sửa đổi lại điều 16 của nghị định Liên bộ số 111-NĐ/LB ngày 11-11-1955. Đề nghị nghị định số 111-NĐ/LB và nghị định số 78-NĐ/LB (phần tai nạn lao động) được thi hành đúng đắn và dễ dàng, thông tư này thay thế hẳn cho phần thứ nhất của thông tư số 13-TT/LB, giải thích rõ trường hợp nào là tai nạn lao động và hướng dẫn chi tiết việc thi hành.

## I. — TRƯỜNG HỢP NÀO LÀ TAI NẠN LAO ĐỘNG

Nghị định số 111-NĐ/LB điều 1, đã quy định «Được kể là tai nạn lao động những tai nạn xảy ra trong khi làm việc tại các xí nghiệp (kể cả quốc doanh), công trường, hầm mỏ, doanh điền hay tại các cơ quan chính quyền, đoàn thể thuộc dự toán tỉnh và dự toán trung ương». Như vậy, tính chất chủ yếu của tai nạn lao động là phải xảy ra trong khi làm việc tại nơi làm việc. Nói «khi làm việc» không phải chỉ bó hẹp vào những lúc mà người công nhân, nhân viên đang thực sự sản xuất hay làm việc mà bao gồm cả khoảng thời gian làm việc ở xí nghiệp, cơ quan. Ví dụ: giờ làm việc quy định về buổi sáng bắt đầu từ 6 giờ 30 đến 11 giờ. Những tai nạn xảy ra trong khoảng thời gian này tại nơi làm việc, dù vào lúc anh chị em được nghỉ giải lao hoặc vào lúc các chị cho con bú, cũng đều là tai nạn lao động. Đối với một vài trường hợp công nhân viên phải đến sớm chút ít để sửa soạn máy móc hoặc ở lại chậm ít giờ để hoàn thành một công việc nào đó, thời tai nạn xảy ra cho anh chị em trong những khoảng thời gian này, ở nơi làm việc, cũng đều được coi là tai nạn lao động.

Nói «nơi làm việc» trong nghị định cũng không nhất thiết phải là tại cơ sở sản xuất. Điều «1», phần dưới, của nghị định số 111-NĐ/LB đã quy định rõ ràng: «Cũng kể tai nạn lao động các tai nạn xảy ra ngoài các cơ sở sản xuất khi người công nhân viên đang tiến hành công tác do cơ quan sử dụng giao cho (trong lúc làm việc ở nơi làm công tác hoặc trên đoạn đường cần thiết và hợp lý đi và về để thực hiện công tác nói trên).

Những tai nạn xảy đến cho công nhân viên trong khi làm việc tại nơi làm việc hoặc khi thi hành nhiệm vụ ngoài cơ sở sản xuất như đã nói ở trên, bất luận do công nhân viên vô ý, do xí nghiệp thiếu phương tiện đề phòng, do thiên tai

hoặc chỉ do một sự ngẫu nhiên cũng đều là tai nạn lao động.

Sau đây là một số ví dụ về tai nạn lao động:

— Công nhân coi máy, áo vướng vào giầy của roa rồi bị nghiền nát tay;

— Cấp dưỡng bị bỏng vì nồi nước sôi đổ trong khi làm việc;

— Bão lật đổ nhà máy, làm công nhân bị thương trong khi làm việc;

— Quạt trần ở cơ quan lỏng ốc rơi trúng đầu nhân viên đang làm việc;

— Tài xế lái xe làm đổ xe, húc vào cây, vào tường làm cho người ngồi trên xe hoặc người đi đường bị thương, bị tòa án phạt nhưng bản thân mình cũng bị thương thì cũng được coi là bị tai nạn lao động;

— Nhân viên mậu dịch đi áp tải một thuyền lương thực, chết vì thuyền đắm;

— Công nhân viên được cử đi công tác, dọc đường bị tai nạn ở to.

**Những tai nạn xảy đến cho công nhân viên ngoài thì giờ làm việc không coi là tai nạn lao động:**

*Ví dụ:*

— Tai nạn xảy đến cho công nhân viên ở các lần trại của công trường hoặc tại xí nghiệp ngoài giờ sản xuất.

— Tai nạn xảy ra khi từ nhà đi đến xí nghiệp hoặc từ xí nghiệp về về nhà.

Ngoài ra nếu có những trường hợp chưa rõ rệt là tai nạn lao động, Ban Giám đốc xí nghiệp, hoặc Thủ trưởng cơ quan cần thỉnh thị ngành dọc và lấy ý kiến của Bộ Lao động trước khi giải quyết.

## II. — NHIỆM VỤ CỦA XÍ NGHIỆP VÀ CƠ QUAN SỬ DỤNG CÔNG NHÂN VIÊN KHI XẢY RA TAI NẠN LAO ĐỘNG

### 1) Khai trình:

Trước đây các cơ quan, xí nghiệp hay công trường sử dụng công nhân viên ít khi báo cáo cho cơ quan lao động địa phương biết các tai nạn lao động xảy ra ở nơi mình phụ trách. Vì vậy, các cơ quan lao động không theo dõi được việc bồi thường và cũng không biết được những nguyên nhân xảy ra tai nạn để tham gia ý kiến với các cơ quan sử dụng trong việc bố trí phương tiện phòng ngừa.

Đề chấp hành nghị định của Thủ tướng phủ số 703-TTg và nghị định của Liên Bộ Lao động — Nội vụ — Y tế và Tài chính số 111-NĐ-LB từ nay khi có tai nạn nặng và chết người, đơn vị để xảy ra tai nạn một mặt phải báo ngay cho cơ quan lao

động địa phương biết (hay Ủy ban Hành chính những nơi không có cơ quan lao động) mặt khác, chậm nhất là 48 giờ sau khi xảy ra tai nạn (bất luận ngày chủ nhật hay ngày lễ) phải lập biên bản và gửi lời các cơ quan lao động, y tế, tòa án (Công tố viện) địa phương và ngành dọc biết để những nơi này kịp thời làm nhiệm vụ của mình.

Biên bản phải do Thủ trưởng của đơn vị làm có đại diện công đoàn (hoặc đại diện của anh chị em công nhân viên nơi chưa có công đoàn) và cán bộ y tế đơn vị cùng ký.

Trường hợp tai nạn lao động xảy ra ở dọc đường, người bị nạn được đưa đến chữa tại một cơ sở y tế nào đó, thì nơi này có trách nhiệm báo ngay cho đơn vị sử dụng người bị nạn biết.

Đối với những tai nạn, trước đây cho là nhẹ không lập biên bản, nhưng sau vì thương tích biểu chứng phải điều trị trên 20 ngày mới khỏi thì trường hợp này cũng được coi là tai nạn nặng vì đơn vị phải lập biên bản gửi đến các cơ quan kể trên biết. Ngoài ra, hằng tháng, các đơn vị phải báo cáo tình hình tai nạn lao động đã xảy ra trong đơn vị mình cho cơ quan lao động, y tế và ngành dọc biết. Báo cáo phải nêu tổng số tai nạn xảy ra và chia loại: bao nhiêu tai nạn nhẹ, nặng và chết. Tai nạn phải nghỉ việc để điều trị từ một ngày đến 20 ngày gọi là tai nạn nhẹ và phải điều trị trên 20 ngày gọi là tai nạn nặng. Những tai nạn không phải nghỉ việc, không báo cáo.

### 2) Săn sóc và đãi ngộ công nhân viên bị tai nạn lao động:

Khi xảy ra tai nạn, cơ quan sử dụng phải tổ chức ngay việc cấp cứu đầu tiên cho người bị tai nạn. Vì vậy tại các nơi làm việc: xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường phải có hộp thuốc cấp cứu, có đủ thuốc men thông thường và vật dụng cần thiết để băng bó.

Đối với những tai nạn mà y sĩ hay y tá xét cần phải đưa đi điều trị tại bệnh viện, thì suốt trong thời gian điều trị người bị nạn chỉ phải trả khoản tiền ăn theo tiêu chuẩn đã quy định, còn những khoản phí tổn sau đây, đơn vị sử dụng phải thanh toán:

— Tiền phi tổn chuyên chở người bị nạn đến bệnh viện và tiền tàu, xe lúc ra về.

— Tiền nằm bệnh viện, tiền thuốc men, bồi dưỡng. Trường hợp đặc biệt được bác sĩ hay y sĩ phụ trách bệnh viện chứng nhận được nằm ở nhà riêng để điều trị thì cũng được hưởng tiền thuốc men và tiền bồi dưỡng thêm nếu có.

### 3) Trả lương và phụ cấp cho công nhân viên trong thời kỳ nằm điều trị:

a) Bình phục hẳn không thành thương tật: trả lương, phụ cấp bản thân và phụ cấp gia đình

(nếu có) trong suốt thời kỳ điều trị cho đến khi trở lại làm việc.

b) Thành thương tật:

Thành thương tật, bất luận được xếp vào hạng nào nhưng nếu công nhân viên thời việc hẳn, thời lương, phụ cấp bản thân và phụ cấp gia đình (nếu có) phải trả cho đến ngày có quyết nghị của Hội đồng xếp thương tật.

Nếu thành thương tật thuộc các hạng 2, 3, 4 và 5 mà còn đi làm được, cơ quan phải bố trí công việc nhẹ thích hợp, lương sẽ trả theo công việc mới kể từ ngày chính thức nhận việc mới. Trước ngày đó lương vẫn trả như cũ.

c) Chết: Lương, phụ cấp bản thân và phụ cấp gia đình (nếu có) sẽ thanh toán như sau:

Chết vào 15 ngày đầu tháng, trả nửa tháng; chết vào 15 ngày cuối tháng, trả cả tháng. Nếu chết vào 15 ngày đầu tháng nhưng lương đã trả cả tháng rồi thì cũng không phải truy hoàn.

### III. — CÁC HẠNG THƯƠNG TẬT

Nghị định Liên bộ số 111-ND/LB, điều 5, đã chia thương tật ra làm 6 hạng để định mức bồi thường. Tiêu chuẩn của mỗi hạng ghi trong nghị định chỉ có tính chất điển hình. Để việc phân hạng những thương tật phức tạp khỏi bị khó khăn trở ngại, phần dưới đây quy định chi tiết và cụ thể tiêu chuẩn của mỗi hạng.

a) Hạng đặc biệt:

Những người bị một trong những trường hợp dưới đây, đã mất hết khả năng làm việc và cần phải có người săn sóc, thì xếp vào thương tật hạng đặc biệt:

- 1) Bị mất 3 chân tay trở lên hay bị thương 3 chân tay trở lên mà các chân tay đó đều mất hết tác dụng;
- 2) Bị tê liệt 3 chân tay trở lên;
- 3) Có 2 chân hoặc 2 tay bị tê liệt vì gãy thân kinh xương sống bị thương;
- 4) Mất hết 2 tay hoặc 2 chân mà không thể làm được chân tay giả;
- 5) Vi bị thương mà loạn óc diên đại;
- 6) Có một vết thương trong hạng 1 và một vết thương trong hạng 2.

b) Hạng 1:

Những người bị một trong những trường hợp dưới đây, đã mất hết khả năng làm việc nhưng không cần thiết có người săn sóc thì xếp vào thương tật hạng 1:

- 1) Hai chân hoặc 2 tay bị cụt một phần hoặc vi bị thương mà mất hết tác dụng;

- 2) Mù cả hai mắt;

3) Giầy thần kinh óc hay óc bị thương sinh ngờ ngần không làm được việc gì;

4) Bị thương vào mõm không nhai và không nói được;

5) Có 2 vết thương trong hạng 2 hoặc hai vết thương mà một vết trong hạng 2 và một vết trong hạng 3;

6) Các bộ phận nội tạng quan trọng hay các bộ phận khác bị thương tương đương với những điểm trên;

c) Hạng 2:

Những nạn nhân bị một trong những trường hợp dưới đây được xếp vào hạng 2:

- 1) Mất một chân hay một tay hoặc vi bị thương mà mất hết tác dụng;
- 2) Bị thương từ 2 chân tay trở lên, có bộ phận cứng thẳng nhưng còn có thể miễn cưỡng làm việc được;
- 3) Cụt mất 10 ngón tay;
- 4) Vira cảm vira diếc cả hai tai;
- 5) Hai mắt vi bị thương hoặc hỏng nên chảy máu hay có màng, sức nhìn rất kém, chỉ trông thấy trong khoảng một thước, và không chữa được;
- 6) Bị thương vào mõm không nhai được;
- 7) Các bộ phận nội tạng quan trọng hay các bộ phận khác bị thương tương đương với những điểm trên;
- 8) Vết thương vào sọ não hoặc chấn động thần kinh gây nên những cơn động kinh (épilepsie);
- 9) Vết thương các giầy thần kinh gây bị bỏng rát (causalgie);
- 10) Bộ máy sinh dục bị thương, mất hết khả năng sinh dục;
- 11) Có từ 2 vết thương trở lên ở hạng 3.

d) Hạng 3:

Những nạn nhân bị một trong những trường hợp dưới đây được xếp vào thương tật hạng 3:

- 1) Mất một bàn chân hay một bàn tay;
- 2) Vết thương gãy xương làm cứng một chân hay một tay hoặc khớp xương cử động rất khó khăn;
- 3) Mất cả 2 ngón tay cái hay chỉ mất 1 ngón tay cái và các ngón khác từ 3 ngón trở lên;
- 4) Mất hết 10 ngón chân hay một phần bàn chân;
- 5) Hoàn toàn không nói được;
- 6) Mõm bị thương rụng gần hết răng không thể lắp được răng giả, nhai khó khăn.

www.ThuVienPhapLuat.com  
Tel: 84-83886666  
9668607

7) Một mắt mù và một mắt mờ hoặc cả 2 mắt cùng bị mờ khó chữa khỏi hay lâu mới khỏi được.

8) Đứt cả 2 tai;

9) Đầu hoặc ngay thất lưng bị thương khiến cho cử động khó khăn hoặc khó khỏi;

10) Các bộ phận nội tạng quan trọng hoặc các bộ phận khác bị thương tương đương với các điểm trên;

11) Có từ 2 vết thương trở lên ở hạng 4.

#### e) Hạng 4

Những người bị một trong những trường hợp dưới đây được xếp vào thương tật hạng 4:

1) Mù một mắt;

2) Mất mũi;

3) Mất 1 ngón tay cái hay cụt đốt thứ nhất và đồng thời cụt 1 ngón tay chỗ ở bàn tay kia hay 2 ngón tay khác ở bàn tay kia;

4) Mất 5 ngón chân trở lên hay bàn chân cứng đờ không cử động được;

5) Gân cốt bị thương, cử động không thuận tiện;

6) Những thương tích khác tương đương với các khoản trên;

7) Có từ 2 vết thương trở lên ở hạng 5.

#### ơ) Hạng 5:

Những người bị một trong những trường hợp dưới đây được xếp vào thương tật hạng 5:

1) Nói năng không rõ;

2) Tai bị nghẽn ngãng, nghe không rõ, khó khăn;

3) Một ngón tay cái bị cụt đốt thứ nhất, hay mất một ngón tay chỗ, hay mất cả 2 ngón tay khác;

4) Mất từ 2 ngón chân trở lên;

5) Những thương tích khác tương đương với các khoản trên;

6) Có nhiều vết thương nhẹ mà gồm lại có thể ảnh hưởng đến sức làm việc bằng, hay hơn một trong những vết thương nói trên.

Để định hạng thương tật, Hội đồng xếp thương tật sẽ dựa vào các hạng đã quy định ở trên, đồng thời còn cần phải cân nhắc ảnh hưởng của mỗi thương tật đối với nghề nghiệp của mỗi người bị nạn. Cũng một thương tật làm tẩu phè một bộ phận giống nhau nhưng ảnh hưởng đến khả năng lao động, đến đời sống của người công nhân ở mỗi nghề có thể khác nhau. Hội đồng sắp xếp, nếu thấy cần, có thể tùy trường hợp, căn cứ vào ảnh hưởng của thương tật đối với nghề nghiệp của

người bị nạn mà xếp cao lên một hạng (chỉ có thể xếp bằng hạng liền ngay trên là cùng). Thí dụ: một công nhân lái xe hơi bị tai nạn lao động làm cụt một bàn chân. Thương tật thuộc hạng 3, nhưng đối với nghề lái xe hơi bàn chân có tác dụng nhiều hơn đối với các nghề khác như dệt vải, in v.v... Vì vậy có thể xếp thương tật cụt bàn chân của công nhân lái xe hơi vào hạng 2.

#### IV.— MỨC BỒI THƯỜNG

Tùy theo hạng thương tật, công nhân viên bị tai nạn lao động được bồi thường như sau:

##### Tai nạn chết người:

15 tháng lương kể cả phụ cấp bản thân và phụ cấp gia đình (nếu có). Ngoài ra cơ quan sử dụng phải trả tiền chôn cất gồm những khoản tiền mua áo quan, 6 thước vải, tiền thuê xe, và thuê người làm việc chôn cất. (Tiền chôn cất của anh em miền Nam sẽ theo chế độ riêng đã được quy định trong Thông tư của Bộ Nội vụ số 34-PTQ ngày 6-11-1956).

Nghị định Liên bộ số 111-ND/LB, điều 7, trước đây ấn định số tiền bồi thường cho công nhân viên bị chết vì tai nạn lao động bằng 12 tháng lương kể cả phụ cấp bản thân và gia đình. Ngày 29-8-1956, Thủ tướng phủ ban hành nghị định số 703-TTg ấn định mức trợ cấp cho những tai nạn lao động làm chết người bằng 15 tháng lương kể cả phụ cấp bản thân và gia đình. Như vậy điều 7 của nghị định Liên bộ số 111-ND/LB đã được sửa lại bằng nghị định số 703-TTg nói trên của Thủ tướng phủ.

Khoản trợ cấp sẽ giao cho người thừa kế của người bị tai nạn lao động. Được coi là thừa kế, theo thứ tự ưu tiên, như sau: vợ (hay chồng), con (hay con nuôi), cha mẹ (hay cha mẹ nuôi). Trường hợp không có vợ (hoặc chồng), con, cha, mẹ, thì người thân thích gần nhất đã chịu sự cấp dưỡng của người chết hay đã cấp dưỡng người chết lúc sinh thời có quyền được lĩnh khoản bồi thường. Ví dụ: ông nội người chết đã chịu sự cấp dưỡng của người cháu bị tai nạn lao động.

##### Tai nạn lao động

hạng đặc biệt: 12 tháng lương kể cả phụ cấp bản thân và gia đình.

hạng 1:	11 tháng	"	"
hạng 2:	9 tháng	"	"
hạng 3:	7 tháng	"	"
hạng 4:	5 tháng	"	"
hạng 5:	3 tháng	"	"

Những thương tật nhẹ không đủ để xếp vào hạng 5 không có bồi thường. Trên thực tế anh chị

em ở trường hợp này, sau khi được điều trị lành mạnh, trở về làm việc như cũ, sức làm việc không bị giảm sút bao nhiêu.

Người công nhân viên bị thương tật được xếp vào hạng « đặc biệt » và « 1 », có gia đình hoặc thân thích đủ khả năng giúp đỡ sẽ lĩnh khoản bồi thường như đã nói ở trên. Người nào không có gia đình hoặc không nương tựa được vào thân thích sẽ được Chính phủ quy định việc nuôi dưỡng (một thông tư Liên bộ Lao động — Cứu tế Xã hội — Tài chính sẽ quy định thể thức và chi tiết sau).

Đối với những người bị thương tật xếp từ hạng 2 trở xuống, xí nghiệp hay cơ quan phải bố trí công việc thích hợp với khả năng còn lại hoặc tìm việc thích hợp cho anh chị em ở một xí nghiệp hoặc cơ quan khác trong ngành. Nếu anh chị em về nông thôn thì cơ quan sử dụng và Công đoàn cơ quan có nhiệm vụ giới thiệu với Ủy ban Hành chính và nông hội địa phương để tùy theo phương tiện của từng miền mà tích cực chăm sóc giúp đỡ cho anh chị em về vật chất cũng như về tinh thần. Nếu anh chị em cần chân giả, tay giả, cơ quan sử dụng phải sắm các thứ ấy cho anh chị em.

Công nhân viên bị thương tật từ hạng 2 trở xuống mà còn đi làm được và được cơ quan bố trí công tác mới thì, ngoài số lương bản thân trả theo khả năng hiện tại của mình, vẫn tiếp tục hưởng phụ cấp gia đình. Vì vậy khoản bồi thường thương tật của những anh chị em này chỉ tính bằng 9, 7, 5 hoặc 3 tháng lương kể cả phụ cấp bản thân chứ không kể phụ cấp gia đình.

## V. — LƯƠNG CĂN BẢN DÙNG ĐỂ TÍNH CÁC KHOẢN TRỢ CẤP

Tiền lương để tính trả cho công nhân viên lĩnh lương tháng trong thời kỳ điều trị cũng như để tính tiền bồi thường là lương tháng cuối cùng của công nhân viên trước khi xảy ra tai nạn.

Nếu là công nhân viên hưởng lương ngày thì sẽ căn cứ vào số lương ngày cuối cùng trước khi bị nạn mà tính ra lương một tháng (25 ngày).

Nếu công nhân viên hưởng lương khoán mà đã được sắp xếp cấp bậc thì sẽ lấy số lương của cấp bậc để tính ra lương tháng.

Nếu là công nhân viên làm khoán không xếp cấp bậc thì sẽ căn cứ vào số thu nhập trong 3 tháng trước khi bị nạn để tính số thu nhập trung bình hàng tháng. Trường hợp chưa được 3 tháng thì căn cứ vào thời gian đã làm việc để tính số thu nhập trung bình hàng ngày rồi nhân lên với 25 để thấy số thu nhập trung bình hàng tháng. Nếu số thu nhập trung bình hàng tháng dưới mức

lương tối thiểu, số tiền bồi thường sẽ tính theo mức lương tối thiểu.

*Vi dụ:*

### 1. — Trường hợp đã làm khoán được trên 3 tháng:

Anh A bắt đầu làm việc ngày 3-4-1956 và chết ngày 10-9-1956, số thu nhập trung bình hàng tháng của anh sẽ là:

1/3 số thu nhập từ 11-6-1956 đến 10-9-1956.

Nếu từ 11-6-1956 đến 10-7-1956 anh thu nhập được: 80.000d

Từ 11-7-1956 đến 10-8-1956 anh thu nhập được: 70.000d

Từ 11-8-1956 đến 10-9-1956 anh thu nhập được: 60.000d

Số thu nhập trung bình hàng tháng của anh sẽ là

$$\frac{80.000d + 70.000 + 60.000d}{3} = 70.000d.$$

### 2. — Trường hợp làm khoán chưa được 3 tháng:

Anh B bắt đầu làm việc ngày 5-9-1956 và chết ngày 12-10-1956. Thời gian từ 5-9-1956 đến 12-10-1956 là:

Tháng 9: từ 5-9-1956 đến 30-9-1956 = 26 ngày

Tháng 10: từ 1-10-1956

đến 12-10-1956 = 12 ngày

38 ngày.

Số thu nhập trung bình hàng ngày của anh sẽ là:

1/38 của số thu nhập từ 5-9-1956 đến 12-10-1956

Nếu từ 5-9-1956 đến 12-10-1956 (không kể anh đã thực sự làm việc trong bao nhiêu ngày) anh thu nhập được 76.000d, số thu nhập trung bình hàng ngày của anh sẽ là:

$$\frac{76.000d}{38} = 2.000d.$$

và số thu nhập trung bình hàng tháng của anh sẽ là:

$2.000 \times 25 \text{ ngày} = 50.000d.$

Nếu số thu nhập trung bình hàng tháng dưới mức lương tối thiểu, số tiền bồi thường sẽ tính theo mức lương tối thiểu.

Nếu là thợ học nghề hưởng lương dưới mức tối thiểu thì tiền bồi thường sẽ tính theo mức lương tối thiểu.

Công nhân viên kháng chiến bị tai nạn lao động từ trước ngày 1-7-1955, thì số lương căn bản để tính khoản bồi thường sẽ dựa vào hai trường hợp:

a) Người bị tai nạn lao động lúc đó chưa hưởng lương theo cân gạo mà chỉ lĩnh một số tiền, nay quy định thống nhất là  $(400d \times 35 \text{ cân}) = 14.000d$  một tháng.

b) Người bị tai nạn lao động lúc đó đã hưởng lương theo cân gạo, thì đều tính theo giá 400d một cân gạo bằng cách lấy tổng số cân gạo được lĩnh trong tháng nhân với 400 đồng.

Ngoài ra, nếu nạn nhân có gia đình thì bị thương tháng nào phụ cấp gia đình tính theo tháng ấy với tiêu chuẩn như sau:

a) Từ 31-5-1952 trở về trước (thêm phụ cấp vợ 11 cân, mỗi con 5 cân 1/2 một tháng).

b) Từ 1-6-1952 trở về sau mỗi tháng phụ cấp mỗi con 12 cân hay hơn nếu có.

(Từ tháng 10 năm 1954 phụ cấp con ở Hà-nội là 18 cân. Riêng đối với cán bộ miền Nam từ ngày tập kết ra Bắc thì phụ cấp con là 20 cân nếu ở địa phương, và 30 cân nếu ở Hà-nội).

— Trường hợp 2 vợ chồng cùng làm việc và đều có tiêu chuẩn phụ cấp con cả, mà một trong 2 người bị tai nạn được bồi thường có cả phụ cấp gia đình thì người bị nạn chỉ được hưởng tiêu chuẩn phụ cấp con của một người được hưởng. Ví dụ: 2 vợ chồng làm việc phụ cấp được 20 cân một cháu, nếu một trong 2 người bị tai nạn nghỉ việc thì khoản phụ cấp đó chỉ tính 12 cân chứ không tính 20 cân.

## VI.—TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG TAI NẠN LAO ĐỘNG

Theo nghị định Liên bộ số 111—ND/LB, điều 3 đến 9, cơ quan, xí nghiệp hay công, nông, lâm trường sử dụng công nhân viên có trách nhiệm bồi thường tất cả những tai nạn lao động đã xảy ra đến cho công nhân viên của mình. Nếu tai nạn xảy ra do lỗi của một người thứ ba. (Ví dụ: ô tô tư nhân hay xí nghiệp khác đã gây ra tai nạn) thì cơ quan sử dụng người công nhân viên đó cũng vẫn có trách nhiệm săn sóc và thanh toán mọi quyền lợi theo như tinh thần của nghị định nói trên cho người bị nạn, đồng thời đệ đơn tại tòa án xin truy tố người gây ra tai nạn và đòi bồi thường. Nếu tòa án quyết định người gây ra tai nạn phải bồi thường, cơ quan sử dụng được quyền nhận một phần tiền ngang với số tiền mà mình đã phải trả trước cho người bị tai nạn lao động, phần còn lại thuộc quyền sở hữu của người bị tai nạn lao động, hoặc của người thừa kế.

Nếu công nhân viên bị tai nạn lao động thuộc một đơn vị đã giải tán, thì ngành nào quản trị đơn vị này có trách nhiệm bồi thường.

## VII.—PHẠM VI THI HÀNH VÀ HIỆU LỰC CỦA NGHỊ ĐỊNH 111—ND/LB

Nghị định Liên bộ số 111—ND/LB áp dụng cho tất cả các loại công nhân viên phục vụ tại các xí nghiệp (kể cả quốc doanh) công, nông, lâm trường, hầm mỏ, cơ quan chính quyền và đoàn thể thuộc dự toán tỉnh hoặc dự toán trung ương, bất luận là lĩnh lương tháng, lương khoán hay lương ngày và cũng không phân biệt quốc tịch, hoặc cũ hay mới.

Nghị định nói trên có hiệu lực kể từ ngày ban hành (11-11-1955). Đặc biệt chiếu cố đến công nhân viên kháng chiến, trong điều 16 của nghị định nói trên có quy định: những anh chị em bị tai nạn lao động trong khoảng thời gian từ 2-9-1945 (ngày tuyên bố độc lập) cho đến 11-11-1955 (ngày ban hành nghị định 111—ND/LB), nếu chưa được bồi thường, cũng được xét và bồi thường theo những điều khoản của nghị định 111—ND/LB.

Sau khi đã đề một thời gian trên 20 tháng để thanh toán những trường hợp đặc biệt nói trên, ngày 24-7-1957 Liên bộ Lao động, Nội vụ, Y tế và Tài chính đã ban hành nghị định số 78—ND—LB sửa đổi điều 16 của nghị định 111—ND/LB và ấn định ngày 30-10-1957 là thời hạn cuối cùng để xét những trường hợp đặc biệt đó. Kể từ ngày 1-11-1957, chỉ xét và bồi thường theo những điều khoản của nghị định số 111—ND/LB những tai nạn lao động xảy ra từ ngày ban hành nghị định đó (11-11-1955). Đề các cơ quan có trách nhiệm có thể xét, trước thời hạn ấn định, những trường hợp đặc biệt có thể còn sót lại, Liên bộ đề nghị các Ủy ban Hành chính và cơ quan lao động các khu, thành phố và tỉnh sẽ phổ biến rộng rãi nghị định số 78—ND—LB ngày 24-7-1957 để công nhân viên ở các cơ quan, đoàn thể, xí nghiệp, công, nông, lâm trường được biết.

Công nhân viên bị tai nạn lao động trong thời gian từ 2-9-1945 đến 11-11-1955 nếu đã lĩnh bồi thường rồi thì đối chiếu với tiêu chuẩn hiện tại dư hơn hay thiệt, cũng không đặt thành vấn đề truy hoàn hay truy lĩnh.

Những tai nạn chiến tranh do địch gây ra trong thời kỳ kháng chiến (từ 19-12-1946 đến 20-7-1954) không thuộc phạm vi thi hành của nghị định Liên bộ số 111—ND/LB.

Hà nội, ngày 24 tháng 7 năm 1957

Bộ trưởng Bộ Lao động  
NGUYỄN VĂN TẠO

K.T. Bộ trưởng Bộ Nội vụ  
Thủ trưởng  
TÔ QUANG ĐẦU

Bộ trưởng Bộ Y tế  
HOÀNG TÍCH TRÍ

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
Thủ trưởng  
TRỊNH VĂN BÌNH